

Bản án số: 48/2024/HS-ST
Ngày 12 / 06 /2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ ĐĂNG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ toà phiên toà:** Ông Trần Văn Xuyên.
- **Các Hội thẩm nhân dân:**
 - [1] Ông Trần Đức Hoà;
 - [2] Bà Lê Thị Thận;
- **Thư ký ghi biên bản phiên toà:** Bà Mai Thị Chang – Cán bộ Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước
- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng, tỉnh Bình Phước:** Ông Nguyễn Văn Khánh - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 10, 11 và 12 tháng 6 năm 2024, Tại trụ sở Tòa án Toà án nhân dân huyện Bù Đăng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 46/TLST-HS, ngày 13 tháng 05 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2024/QĐXX- ST, ngày 27 tháng 05 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Nguyễn Thị K C, tên gọi khác: Không, giới tính: Nữ; sinh năm: 1985, tại Bình Phước.

Căn cước công dân số: 0701.8500.7788, nơi cấp: Cục cảnh sát.

Nơi HKTT: Ấp 8, xã T, thành phố Đ, tỉnh Bình Phước.

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Làm nông, Trình độ học vấn: 06/12. Họ và tên cha: Nguyễn V D, sinh năm 1963. Họ và tên mẹ: Bùi T H, sinh năm 1965.

Chồng (đã ly hôn). Bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2004, nhỏ nhất sinh năm 2018.

Bị cáo có 04 chị em, bị cáo là con lớn nhất. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp tạm giữ, tạm giam từ ngày 25/02/2024 cho đến nay.
(có mặt) .

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Đặng Th T ; sinh năm 1983 (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn P T, xã P, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng.

Chỗ ở hiện nay: Thôn 1, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

1/Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Khoảng 10 giờ ngày 25/02/2024, Nguyễn Thị K C đi đến khu vực ngã ba Chuông Trâu thuộc thôn 1, xã Đ, huyện B để mua đồ ăn. Khi C đi vào quầy bán cá của chị Đặng Th T để mua cá thì C phát hiện 01 túi xách không khoá đang treo trên cây sắt ở trong quầy của chị T. Lợi dụng lúc chị T đang làm cá không để ý, C đã dùng tay lấy túi xách xuống, rồi cho tay vào trong túi xách lấy ra được 01 cái hộp nhựa hình tròn, màu đỏ (loại hộp đựng đồ trang sức) bỏ vào túi quần bên trái đang mặc và đi về hướng xã Bom Bo. Lúc này, anh Trần T Đ là nhân viên bảo vệ của cửa hàng bách hoá xanh ở đối diện quầy của chị T nhìn thấy, nhưng do anh Đức tưởng C là người quen của chị T, nên không truy hỏi. Khi C đi về hướng xã Bom Bo được khoảng 500m lấy hộp nhựa ra kiểm tra, thấy bên trong có 01 nhẫn bằng kim loại, màu vàng và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có gắn mặt dây chuyền. C cất giấu sợi dây chuyền và nhẫn vào túi quần rồi đi vào 01 tiệm cắt tóc, gội đầu bên đường để gội đầu. Trong lúc gội đầu thì C đã nhét số trang sức vừa lấy trộm được vào vùng âm đạo của C để cất giấu. Sau đó, chị T phát hiện bị mất trộm tài sản trên đã cùng anh Đức đến Công an xã Đ, huyện B để trình báo vụ việc. Công an xã Đường 10 làm việc với C, C thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản của chị T. Công an xã Đường 10 lập hồ sơ chuyển giao cho Cơ quan CSĐT - Công an huyện Bù Đăng điều tra xử lý theo luật định (BL: 01 – 03; 55; 70 – 77; 78 - 84).

Tại bản Kết luận giám định số: 1667/KL-KTHS ngày 20/03/2024 của Phân Viện Khoa học Hình sự tại Thành phố Hồ Chí Minh – Bộ Công an (BL: 67), kết luận:

Mẫu M1 có khối lượng: 18,4434 gam, được niêm phong gửi giám định có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) - hàm lượng Vàng trung bình: 61,38%, Bạc (Ag) - hàm lượng Bạc trung bình: 17,42%, Đồng (Cu) - hàm lượng Đồng trung bình: 21,19%.

Mẫu M2 có khối lượng: 6,3806 gam, được niêm phong gửi giám định có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) hàm lượng Vàng trung bình: 61,64%, Bạc (Ag) - hàm lượng Bạc trung bình: 17,63%, Đồng (Cu) - hàm lượng Đồng trung bình: 20,73%.

Tại bản Kết luận định giá tài sản số: 17/KLĐG ngày 08/04/2024 của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Bù Đăng (BL: 64 – 65), kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm:

01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu “K*L*610 T.T” hình mắt xích có gắn 01 mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại màu vàng, bên trên đính 51 hạt trang sức màu trắng, tổng khối lượng 18,4434 gam có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) - hàm lượng Vàng trung bình: 61,38%, Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc trung bình: 17,42%, Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng trung bình: 21,19%, có giá: 3.800.000 đồng/01 chỉ x 4,92 chỉ = 18.696.000 đồng

01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu “K*L*TP”, bên trên có đính 23 hạt trang sức màu trắng, tổng khối lượng 6,3806 gam có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) - hàm lượng Vàng trung bình: 61.64%, Bạc (Ag) hàm lượng Bạc trung bình: 17.63%, Đồng (Cu) - hàm lượng Đồng trung bình: 20,73%, có giá: 3.800.000 đồng/01 chỉ x 1,70 chỉ = 6.460.000 đồng. Tổng cộng: 25.156.000 đồng.

2/ Các vấn đề khác của vụ án:

Cơ quan CSĐT – Công an huyện Bù Đăng đã xử lý: Trả lại 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu “K*L*610 T.T”, 01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu “K*L*TP” cho chị Đặng Th T là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Đặng Th T không yêu cầu về phần bồi thường dân sự.

Tại Bản cáo trạng số: 52 /CT – VKS ngày 13/5/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo Nguyễn Thị K C về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng pháp luật đối với các bị cáo như sau:

Về tội danh và hình phạt: Đề nghị tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K C phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K C từ 9 đến 15 tháng tù.

Về vật chứng vụ án: Đã trả lại chủ sở hữu nên không xem xét.

Ý kiến về Quyết định truy tố: Bị cáo đồng ý với quyết định truy tố của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Các bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

1/ Về hành vi, quyết định tố tụng của: Cơ quan điều tra Công an huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng tỉnh Bình Phước, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến đề nghị hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

2/ Xác định tội danh: Khoảng 10 giờ ngày 25/02/2024, Nguyễn Thị K C đến quầy bán cá của chị Đặng Th T thuộc thôn 1, xã Đ, huyện B để mua cá, C phát hiện 01 túi xách không kéo khoá đang treo trên cây sắt ở trong quầy của chị T, lợi dụng lúc chị T đang làm cá không để ý, C đã dùng tay lấy túi xách xuống, rồi cho tay vào trong túi xách lấy ra được 01 cái hộp nhựa hình tròn, màu đỏ (loại hộp đựng đồ trang sức) bỏ vào túi quần mình và đi về hướng xã Bom Bo, đi khoảng 500m C lấy hộp nhựa ra kiểm tra, thấy bên trong có 01 nhẫn bằng kim loại, màu vàng và 01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng, có gắn mặt dây chuyền.

Theo Kết luận giám định:

Mẫu M1(sợi dây chuyền bằng vàng) có khối lượng: 18,4434 gam, được niêm phong gửi giám định có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) - hàm lượng Vàng trung bình: 61,38%, Bạc (Ag) - hàm lượng Bạc trung bình: 17,42%, Đồng (Cu) - hàm lượng Đồng trung bình: 21,19%.

Mẫu M2 (nhẫn vàng) có khối lượng: 6,3806 gam, được niêm phong gửi giám định có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) hàm lượng Vàng trung bình: 61,64%, Bạc (Ag) - hàm lượng Bạc trung bình: 17,63%, Đồng (Cu) - hàm lượng Đồng trung bình: 20,73%.

Tại bản Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tổ tụng huyện Bù Đăng kết luận tại thời điểm xảy ra tội phạm:

01 dây chuyền bằng kim loại màu vàng có ký hiệu “K*L*610 T.T” hình mắt xích có gắn 01 mặt dây chuyền hình tròn bằng kim loại màu vàng, bên trên đính 51 hạt trang sức màu trắng, tổng khối lượng 18,4434 gam có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) - hàm lượng Vàng trung bình: 61,38%, Bạc (Ag) – hàm lượng Bạc trung bình: 17,42%, Đồng (Cu) – hàm lượng Đồng trung bình: 21,19%, có giá: 3.800.000 đồng/01 chỉ x 4,92 chỉ = 18.696.000 đồng.

01 nhẫn bằng kim loại màu vàng có ký hiệu “K*L*TP”, bên trên có đính 23 hạt trang sức màu trắng, tổng khối lượng 6,3806 gam có chứa các thành phần kim loại Vàng (Au) - hàm lượng Vàng trung bình: 61.64%, Bạc (Ag) hàm lượng Bạc trung bình: 17.63%, Đồng (Cu) - hàm lượng Đồng trung bình: 20,73%, có giá: 3.800.000 đồng/01 chỉ x 1,70 chỉ = 6.460.000 đồng.

Tổng cộng: 25.156.000 đồng.

Lời khai của bị cáo và bị hại hoàn toàn phù hợp với nhau nên có đủ cơ sở xác định: bị cáo có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác, thực hiện với lỗi cố ý, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến tài sản của người khác, đây là quyền về tài sản được pháp luật bảo vệ, hành vi của các bị cáo làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương.

Hậu quả bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại tổng trị giá 25.156.000 đồng, mặc dù sau đó đã được thu hồi và trả lại cho bị hại.

Vì vậy hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị cáo Nguyễn Thị K C đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Đăng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

3/ Các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các tình tiết tăng nặng: Không có.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Ngoài ra bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi xem xét hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử lý phù hợp hành vi phạm tội của các bị cáo để giáo dục bị cáo và răn đe giáo dục phòng ngừa chung. Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà đề nghị mức hình phạt cho các bị cáo là phù hợp, cần chấp nhận.

4/ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

5/ Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

6/ Về án phí: Buộc bị cáo nộp án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt: Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị K C phạm tội “ Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K C 9 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 25/02/2024.

2/ Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu gì nên không xem xét.

3/ Về vật chứng: Bị hại đã nhận lại tài sản, không yêu cầu gì nên không xem xét.

4/ Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ - UBTVQH Ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí của Tòa án, buộc bị cáo Nguyễn Thị K C nộp 200.000đ án phí HSST.

5/.Quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích lục bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Công an tỉnh Bình Phước;
- VKSND tỉnh Bình Phước.
- VKSND huyện Bù Đăng;
- CCTHADS huyện Bù Đăng;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Xuyên